

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B2LX**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02072**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục Chính trị**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201162902	Nguyễn Trí Ân	29/10/2007			6	8.5	7.8		4.0	0.0	5.5
2	2256201162904	Từ Chí Dũng	27/04/2007			7	10.0	8.0		3.0	5.3	6.6
3	2256201162905	Ngô Võ Thúy Duyên	20/03/2007			4	5.5	5.0		0.0	0.0	2.0
4	2256201162906	Nguyễn Hữu Đoàn	22/04/2007			8	8.5	7.5		6.0		6.8
5	2256201162907	Trương Gia Hân	12/07/2007			8	8.5	8.3		7.8		8.0
6	2256201162910	Nguyễn Hoàng Khang	09/02/2007			7	9.8	8.3		5.5		6.8
7	2256201162911	Trần Nhựt Khanh	10/06/2007			5	4.0	6.0		9.0		7.4
8	2256201162912	Cao Tuệ Mẫn	08/04/2007			9	7.5	8.0		8.8		8.5
9	2256201162913	Trần Thái Nam	20/09/2007			0	0.0	0.0		5.0	0.0	3.0
10	2256201162914	Trần Kim Ngọc	13/12/2007			8	9.3	7.8		6.3		7.2
11	2256201162915	Trần Thị Kim Ngọc	05/09/2007			8	10.0	7.8		4.8	0.0	6.4
12	2256201162916	Lại Thị Tuyết Nhi	23/05/2006			5	5.0	6.0		0.0	0.0	2.2
13	2256201162917	Nguyễn Lê Hiệp Phát	23/02/2007			8	8.3	7.0		9.0		8.5
14	2256201162918	Vũ Thị Bích Phương	08/08/2007			5	5.0	6.0		0.0	0.0	2.2
15	2256201162919	Chau Rék Smây	03/10/2007			7	7.3	7.0		4.0	0.0	5.2
16	2256201162920	Nguyễn Chí Tài	24/02/2007			6	6.0	6.0		4.3	5.5	5.7
17	2256201162921	Tô Thiện Tâm	08/09/2007			7	10.0	7.3		0.0	0.0	3.3
18	2256201162922	Đỗ Bảo Thy	12/09/2007			4	5.0	6.0		9.3		7.7
19	2256201162923	Lê Thị Mỹ Tiên	22/11/2006			8	8.8	8.0		5.5		6.6
20	2256201162924	Nguyễn Minh Trí	14/08/2007			8	10.0	8.0		5.0		6.5
21	2256201162926	Trần Thành Trung	24/12/2006			8	9.8	7.8		0.0	0.0	3.5
22	2256201162927	Nguyễn Thị Ngọc Vy	11/05/2007			8	10.0	7.8		0.0	0.0	3.5

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Sâm